

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-02-2019
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, T. BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Công Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Đặng Văn Đề.

2 Bà Lê Thị Quỳnh Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019; Quyết định thay đổi kiểm sát viên tham gia phiên tòa số 01/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 10 ngày 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vương Thị Mộng Đ, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Tổ 6, khu phố N, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Anh Lang Đức T, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Tổ 6, khu phố N, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2018 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Vương Thị Mộng Đ bày:

Chị Vương Thị Mộng Đ và anh Lang Đức T tự nguyện chung sống với nhau không bị ai ép buộc, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới vào

năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/9/2006. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại tổ 6, khu phố N, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Cuộc sống chung hạnh phúc và có với nhau có 02 con chung là các cháu Lang Ngọc T, sinh ngày 05/6/2007 và cháu Lang Đức T, sinh ngày 02/02/2013. Sau một thời gian dài chung sống thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp dẫn đến lớn tiếng với nhau, cuộc sống hôn nhân gia đình không còn hạnh phúc. Hơn nữa trong cuộc sống anh T không tin tưởng chị Đ, làm tăng áp lực về mặt tinh thần, đi đâu cũng không dám đi, sợ anh T nghĩ rằng đi với người khác. Anh T thường hay bài bạc, nhậu nhẹt, bỏ bê công việc, lúc say xỉn về kiểm chuyện đánh đập vợ, con. Chị Đ nhiều lần khuyên can nhưng không được. Chị Đ và anh T sống ly thân đã 5 tháng nay. Nay chị Đ cảm thấy không còn tình cảm với anh T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Đ được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là các cháu Lang Ngọc T, sinh ngày 05/6/2007 và cháu Lang Đức T, sinh ngày 02/02/2013. Chị Đ yêu cầu được nuôi 02 cháu T và T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đ xác định mâu thuẫn đã quá căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T.

Trong quá trình tố tụng, anh Lang Đức T trình bày:

Anh T đồng ý với lời trình bày của chị Đ về việc đăng ký kết hôn và có con chung với nhau là đúng.

Sau khi cưới, anh T và chị Đ về sống tại nhà mẹ đẻ ở tổ 6, khu phố N, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quá trình sống chung anh T cảm thấy cuộc sống vợ chồng vẫn cảm thấy bình thường, vui vẻ. Anh T thừa nhận nhiều khi vui với bạn bè có nhậu vài chén, có khi say xỉn thì có hành vi nói quá lời làm cho chị Đ buồn chứ không đánh đập chị Đ. Từ khi mua điện thoại mới, chị Đ vào mạng xã hội Facebook để kết bạn, nói chuyện và có quen 01 người đàn ông khác. Suốt ngày nói chuyện, nhắn tin và hẹn hò đi chơi. Lúc đầu, anh T cũng không tin nhưng sau đó phát hiện việc 2 người nhắn tin rất tình cảm với nhau. Khi phát hiện ra thì anh T có khuyên ngăn vợ từ bỏ không nhắn tin qua lại thì vợ cũng nghe theo. Nhưng chỉ được một thời gian, chị Đ cố tình liên lạc lại với người đàn ông đó. Do bức tức nên anh T về giật điện thoại trên tay chị Đ và đập vỡ. Sau đó, chị Đ tức giận bỏ về nhà mẹ đẻ ở tổ 1, xã Tân Hải, huyện Tân Thành sinh sống.

Anh T nghĩ vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng dẫn đến phải ly hôn nên không đồng ý ly hôn. Anh T hứa sẽ khắc phục những khuyết điểm của

mình để cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh T đồng ý giao 02 con cho chị Đ nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để có cơ sở giải quyết, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh T chị Đ, tại tổ 6 khu phố N, ông Nguyễn Văn P cho biết: Chị Đ và anh T có hộ khẩu thường trú tại địa phương, hiện nay chị Đ không sinh sống tại địa phương do giữa chị Đ và anh T có xảy ra mâu thuẫn, hay gây gổ nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử có chậm 01 tháng.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là chưa chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh T đã trầm trọng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không hòa giải được, từ đó mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng. Nay chị Đ nhận thấy không còn tình cảm và có nguyện vọng xin ly hôn, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ. Về con chung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Đ; về tài sản chung và nợ chung: xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí chị Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Vương Thị Mộng Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lang Đức T và hiện nay anh T đang cư trú tại thành phố Bà Rịa. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vương Thị Mộng Đ và anh Lang Đức T là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến lớn tiếng với nhau, cuộc sống hôn nhân gia đình không còn hạnh phúc. Hơn nữa trong cuộc sống anh T không tin tưởng chị Đ, làm tăng áp lực về mặt tinh thần, đi đâu cũng không dám đi, sợ anh T nghĩ rằng đi với người khác. Anh T thường hay bài bạc, nhậu nhẹt, bỏ bê công việc, lúc say xỉn về kiểm chuyện đánh đập vợ, con. Anh T thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn một phần do lỗi của anh T và một phần do lỗi chị Đ sống không chung thủy, thường xuyên liên lạc và hẹn hò với người khác. Tuy nhiên, anh T vẫn mong muốn vợ chồng sống hạnh phúc và không muốn ly hôn. Lời khai của các đương sự phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Từ đó Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của chị Đ, anh T là có căn cứ, mâu thuẫn giữa chị Đ và anh T là có thật và trầm trọng, dẫn tới cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ về việc ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là các cháu Lang Ngọc T, sinh ngày 05/6/2007 và cháu Lang Đức T, sinh ngày 02/02/2013. Chị Đ yêu cầu được nuôi 02 cháu Tiên và Tiến đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị Đ là tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của anh T và của cháu Tiên, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Trường hợp có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Vương Thị Mộng Đ phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 9, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị Mộng Đ về việc xin ly hôn với anh Lang Đức T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Mộng Đ được ly hôn với anh Lang Đức T.

Về con chung: Giao cháu Lang Ngọc T, sinh ngày 05/6/2007 và cháu Lang Đức T, sinh ngày 02/02/2013 cho chị Vương Thị Mộng Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh Lang Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lang Đức T được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Vương Thị Mộng Đ phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0003665 ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Bùi Công Thành